

NỘI DUNG KTHK2 TOÁN 12 (2023–2024)

o000o

1/ THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút.

2/ HÌNH THỨC LÀM BÀI: 50 câu Trắc nghiệm (30 câu Giải tích & 20 câu Hình học). Mỗi câu 0.2đ.

3/ NỘI DUNG CỤ THỂ:

GIẢI TÍCH (30 câu: 12-9-6-3).

Câu	Nội dung câu hỏi	Độ khó
GT1	Nguyên hàm (lý thuyết: định nghĩa hoặc tính chất nguyên hàm)	1
GT2	Nguyên hàm (chọn đúng nguyên hàm từ 4 kết quả cho trước)	1
GT3	Tích phân (lý thuyết: N-L hoặc tính chất)	1
GT4	Tích phân (tính TP dạng đơn giản)	1
GT5	Tích phân (đổi biến)	1
GT6	Tích phân (từng phần)	1
GT7	Diện tích (đường cong $y = f(x) \geq 0$ & trục hoành): nhận diện công thức	1
GT8	Diện tích (đường cong $y = f(x)$ và $y = g(x)$): nhận diện công thức	1
GT9	Thể tích (VTHH hoặc VTTX): nhận diện công thức	1
GT10	Thể tích VTTX (đường cong $y = f(x) \geq 0$ & trục hoành, quay quanh trục hoành)	1
GT11	Số phức (tìm phần thực, ảo, module, liên hợp...)	1
GT12	Số phức (giải PT với hệ số thực dạng đơn giản)	1
GT13	Nguyên hàm (tìm nguyên hàm, có chọn C)	2
GT14	Nguyên hàm (cho kết quả nguyên hàm chứa $a, b, c \dots \rightarrow$ tìm giá trị hệ số hoặc biểu thức chứa hệ số)	2
GT15	Tích phân (đổi biến)	2
GT16	Tích phân (từng phần)	2
GT17	Diện tích (2 đường cong)	2
GT18	Thể tích (VTHH)	2
GT19	Số phức (tìm phần thực, ảo, module, liên hợp...)	2
GT20	Số phức (dạng hình học $M(a; b)$)	2
GT21	Số phức (cho PT với hệ số thực, tìm giá trị biểu thức chứa 2 nghiệm phức)	2
GT22	Tích phân	3
GT23	Tích phân	3
GT24	Diện tích - Thể tích (có hình)	3
GT25	Toán thực tế (thể tích - diện tích)	3
GT26	Số phức (tập hợp điểm)	3
GT27	Số phức (min-max)	3
GT28	Tổng hợp (Nguyên hàm, Tích phân, Ứng dụng tích phân)	4
GT29	Tổng hợp (Nguyên hàm, Tích phân, Ứng dụng tích phân)	4
GT30	Số phức	4

HÌNH HỌC (20 câu: 8-6-4-2)		
HH1	Tọa độ (điểm)	1
HH2	Tọa độ (vector)	1
HH3	Mặt cầu (lập phương trình)	1
HH4	Mặt cầu (tìm tâm & bán kính)	1
HH5	Mặt phẳng (tìm vtpt)	1
HH6	Mặt phẳng (tìm phương trình)	1
HH7	Đường thẳng (kiểm tra 1 điểm nằm trên đường thẳng)	1
HH8	Đường thẳng (tìm PT đường thẳng)	1
HH9	Tọa độ (điểm, vector)	2
HH10	Mặt cầu (điều kiện tham số)	2
HH11	Mặt phẳng (khoảng cách)	2
HH12	Mặt phẳng (tìm tham số sao cho 2 mp song song, vuông góc....)	2
HH13	Đường thẳng	2
HH14	Đường thẳng	2
HH15	Tọa độ (vector, điểm)	3
HH16	Mặt cầu	3
HH17	Mặt phẳng	3
HH18	Đường thẳng	3
HH19	Tổng hợp (liên quan tọa độ, mặt cầu, mặt phẳng, đường thẳng)	4
HH20	Tổng hợp (liên quan tọa độ, mặt cầu, mặt phẳng, đường thẳng)	4

Nội dung	Số câu			
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Nguyên hàm	2	2	0	0
Tích phân	4	2	2	1
Diện tích	2	1	1	1
Thể tích	2	1	1	
Số phức	2	3	2	1
Tọa độ	2	1	1	1
Mặt cầu	2	1	1	1
Mặt phẳng	2	2	1	
Đường thẳng	2	2	1	
50	20	15	10	5

Ngày 05/4/2024
TTCM

Nguyễn Thị Hồng Nhi